



CHÍNH SÁCH CỦA NHẬT BẢN ĐỐI VỚI HOA KIỀU Ở ĐÔNG DƯƠNG TRONG THỜI KỲ CHIẾN TRANH THẾ GIỚI LẦN THỨ HAI

ThS Võ Minh Vũ*

Thời gian Nhật Bản chiếm đóng, cai trị Đông Dương thuộc Pháp chỉ vắn vện 5 năm kể từ thời điểm tháng 9 – 1940 khi Nhật Bản tiến quân vào miền Bắc Việt Nam cho đến tháng 8 – 1945 khi Nhật Bản tuyên bố đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện. Trong khoảng thời gian này, khác biệt với các quốc gia khác ở Đông Nam Á, tại Đông Dương, Nhật Bản đã không phế bỏ chính quyền thuộc địa của Pháp tại đây để thành lập chính quyền quân sự của mình mà trái lại, Nhật Bản vẫn tiếp duy trì chính quyền thuộc địa của Pháp và cùng với Pháp cai trị Đông Dương theo thể chế cộng trị. Thể chế này được đánh giá là mang “tính hợp lý” để Nhật Bản có thể chiếm đoạt một cách có hiệu quả nguồn tài nguyên thiết yếu phục vụ cho nhu cầu chiến tranh¹.

Báo cáo này khảo sát nội dung chính sách của Nhật Bản đối với Hoa kiều Đông Dương trong khoảng thời gian 5 năm (1940 – 1945). Tuy nhiên, do hạn chế về tư liệu nên ở đây, tác giả xin được phép trình bày về phần nội dung chính sách Hoa kiều được quyết định trên giấy tờ, còn về tình hình thực tế triển khai chính sách Hoa kiều xin được phép sẽ khảo sát, phân tích trong một bài viết khác.

Có ba lý do khiến tác giả lựa chọn đề tài này. *Thứ nhất*, việc Nhật Bản tiến quân vào Đông Dương tháng 9 – 1940 ngoài mục đích cắt đứt con đường viện trợ về vật chất của Hoa kiều cho chính quyền Tưởng Giới Thạch nhằm nhanh chóng giải quyết cuộc chiến tranh tại Trung Quốc còn có một mục đích khác là giải quyết nhu cầu kinh tế cấp bách khi đó của Nhật Bản là chiếm đoạt nguồn tài nguyên thiết yếu phục vụ nhu cầu chiến tranh. Để đạt được mục đích này, việc giải quyết

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

mối quan hệ với bộ phận Hoa kiều, khi đó đang nắm giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế Đông Dương có ý nghĩa hết sức quan trọng. Do đó, có thể dự đoán rằng vấn đề Hoa kiều đã được chính phủ Nhật Bản hết sức chú trọng và bàn thảo một cách kỹ lưỡng khi đưa ra những quyết định có liên quan đến chính sách cai trị Đông Dương. *Thứ hai*, trong khoảng thời gian 5 năm ngắn ngủi cai trị Việt Nam, để đáp ứng nhu cầu lương thực của quân đội Nhật ở trong nước và đang chiếm đóng tại các khu vực khác, Nhật Bản đã thực thi chính sách cướp bóc lúa gạo với quy mô lớn tại Đông Dương mà chủ yếu là tại Việt Nam. Đây được cho là một trong những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến nạn đói khủng khiếp tại miền Bắc Việt Nam năm 1945. Về nạn đói này, cho đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu, nhiều cuộc điều tra được tiến hành nhằm làm xác thực số nạn nhân của nạn đói² nhưng do nạn đói xảy ra vào thời điểm có nhiều biến động lớn, đồng thời thiếu nhiều tư liệu nên việc xác định chính xác mức độ thiệt hại là hết sức khó khăn. Tuy nhiên, như nhiều nhà nghiên cứu đã chỉ ra, đối với nạn đói năm 1945, việc làm sáng tỏ cơ chế xảy ra nạn đói, quá trình hình thành cơ chế này, hay nói rộng hơn là làm rõ vấn đề trong khoảng thời gian 5 năm cai trị Đông Dương, Nhật Bản đã thực thi những chính sách cai trị như thế nào có ý nghĩa rất quan trọng. Trong công trình nghiên cứu của mình về nạn đói năm 1945, Furuta Motoo (1997) đã đưa ra ý kiến cho rằng cần làm sáng tỏ tình hình thực tế việc thực thi chính sách thu mua thóc gạo, thông qua đó để làm rõ hơn cơ chế phát sinh nạn đói và vai trò của các cơ quan quyền lực của Nhật Bản, Pháp và thương nhân thóc gạo bao gồm cả Hoa kiều³. *Thứ ba*, cho đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu của các học giả Nhật Bản, châu Âu và Việt Nam về chính sách của Nhật Bản đối với Đông Dương. Những công trình nghiên cứu này đã làm rõ về nội dung và đặc trưng của chính sách của Nhật Bản đối với Đông Dương cả về khía cạnh chính trị, kinh tế lẫn quân sự. Tuy nhiên, trong các công trình nghiên cứu này, chính sách của Nhật Bản đối với Hoa kiều hầu như vẫn chưa đề cập đến.

1. Chính sách của Nhật Bản đối với Hoa kiều Đông Nam Á

Như chúng ta đã biết, năm 1937, cuộc chiến tranh Nhật – Trung bùng nổ. Chủ trương ban đầu của Nhật Bản là nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh tại Trung Quốc để tập trung lực lượng tiến xuống phía Nam. Tuy nhiên, chủ trương này đã thất bại do gặp phải sự kháng cự mãnh liệt của quân đội Tưởng Giới Thạch. Một trong những lý do giúp quân đội Tưởng Giới Thạch có thể kháng cự với quân đội Nhật trong một khoảng thời gian dài là sự viện trợ về vật chất của tầng lớp Hoa kiều ở Đông Nam Á. Nguồn tiền bạc mà bộ phận Hoa kiều ở Đông Nam Á chuyển về cho Chính phủ Trùng Khánh là sự hỗ trợ kinh tế quan trọng cho công cuộc kháng Nhật. Về vấn đề này, trong “Phương sách liên quan đến công tác Hoa kiều tại Đông Dương thuộc Pháp” do quân đội Nhật tại Đông Dương biên soạn vào tháng 6 – 1941 có ghi như sau⁴:

“... Rõ ràng, cách thức tích cực để giải quyết nhanh chóng sự biến nằm ở công tác loại bỏ những nhân tố ủng hộ Tưởng và thu phục dân chúng Trung Quốc. Đặc biệt, cần nói rằng, vấn đề Hoa kiều ở Nam Dương⁵, vốn có vai trò hết sức quan trọng với tư cách là trụ cột kinh tế tài chính của chính quyền Tưởng, là đối tượng công tác quan trọng ở phương diện này. Sự độc chiếm một cách toàn diện trong cơ cấu phân phối trên khía cạnh kinh tế và sự xuất hiện ý thức quốc gia trên khía cạnh chính trị của Hoa kiều, hơn nữa tình hình thực tế của phong trào bài xích hàng hoá Nhật Bản, phong trào quyền góp tiền chống Nhật dựa trên những nền tảng này rõ ràng gây tổn hại đến việc giải quyết sự biến...”

Mặt khác, Nhật Bản khi đó đang thực thi chính sách Nam tiến, vấn đề lớn nhất là làm thế nào để đảm bảo nguồn nhân lực và tài nguyên thiết yếu của Đông Nam Á. Công tác Hoa kiều với mục đích thu được sự hợp tác của Hoa kiều, những người nắm giữ sức mạnh chính trị, kinh tế lớn tại Đông Nam Á trong đó có Đông Dương, được coi là vấn đề hết sức quan trọng đối với việc xây dựng “Khu vực thịnh vượng chung Đại Đông Á”. Đồng thời, nếu mục đích này thành công thì sẽ góp phần giúp Nhật Bản nhanh chóng giải quyết được cuộc chiến tranh đang sa lầy tại Trung Quốc.

Trên thực tế quân đội Nhật đã bắt đầu quan tâm đến Hoa kiều từ giai đoạn trước khi cuộc chiến tranh Nhật – Trung bùng nổ. Tháng 11 – 1934, một sỹ quan của Bộ Hải quân đồn trú tại Phúc Châu có tên là Suga Ganjiro được cử đến Phúc Kiến. Sau khi điều tra tình hình Phúc Kiến, Suga đã đưa ra kế hoạch “Liên kết kinh tế giữa Hoa kiều Nam Dương với Mãn Châu quốc”, trong đó nêu lên lý luận “Nhật Chi⁶ kinh tế đề huê luận” và chỉ ra rằng Phúc Kiến chính là nơi xuất thân chủ yếu của Hoa kiều Nam Dương. Sau đó, Nhật Bản đã huy động các cơ quan chính phủ, cơ quan nghiên cứu, học giả tiến hành điều tra về Hoa kiều ở Đông Nam Á ở trên bốn lĩnh vực: 1) Tình hình kinh tế các nước và thực trạng Hoa kiều, 2) Những Hoa kiều có thế lực, 3) Các tổ chức Hoa kiều và hoạt động của nó, 4) Hoạt động giáo dục – văn hoá của Hoa kiều. Thông qua những cuộc điều tra này, Nhật Bản mong muốn nắm bắt được tính chất của tầng lớp Hoa kiều ở Đông Nam Á và tình hình hoạt động của họ.

Năm 1939, Hải quân Nhật Bản đã thực hiện bốn công tác nhằm đưa Hoa kiều ở Đông Nam Á vào quỹ đạo hợp tác với Nhật Bản.

- Công tác tâm lý với mục đích chuyển hướng các cơ quan ngôn luận của Hoa kiều sang thân Nhật.

- Công tác hướng tới khía cạnh vật chất gắn kết trực tiếp với cuộc sống của Hoa kiều.

- Công tác ổn định quê hương của Hoa kiều.

- Công tác thành lập nhanh chóng công quán tại các cảng thị, đơn giản hoá việc đi lại giữa các quốc gia mà Hoa kiều đang cư trú với quê hương của họ.

Trong bốn công tác này, công tác được coi trọng nhất là công tác ổn định quê hương của Hoa kiều. Bởi lẽ, đương thời để nâng cao thái độ chống Nhật của Hoa kiều, Chính phủ Trùng Khánh đã cho loan tin đồn đến tầng lớp Hoa kiều rằng từ đường của tổ tiên, vườn tược, mồ mả mà Hoa kiều để lại quê hương đã bị quân đội Nhật phá huỷ. Do đó, “đối với sự an toàn của quê hương vốn là mong mỏi nhất của Hoa kiều, việc thi hành công tác phù hợp, làm cho Hoa kiều nhận thức đầy đủ chân tướng là công việc khẩn yếu nhất”⁷, nghĩa là việc xoá bỏ tâm lý thù địch và ấn tượng xấu ban đầu của Hoa kiều là rất quan trọng.

Nhật Bản nhận thức rõ ràng rằng, việc chia cắt Hoa kiều với Chính phủ Trùng Khánh có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc giải quyết nhanh chóng chiến tranh Trung – Nhật, mặt khác sức mạnh kinh tế của Hoa kiều là yếu tố không thể thiếu đối với việc thành lập “Khu vực kinh tế Đông Á”. Tại cuộc họp của “Hội nghị liên lạc các cơ quan có liên quan” bàn về “Vấn đề liên quan đến việc kiểm soát công tác Hoa kiều tại Trung Quốc” ngày 21 – 6 – 1939, mục đích của công tác Hoa kiều đã được xác định là “làm suy yếu năng lực kháng chiến của chính quyền Tưởng”, “thúc đẩy xây dựng kinh tế tại khu vực của chính quyền mới (tức chính quyền Uông Tinh Vệ tại Nam Kinh)”⁸. Về chính sách cụ thể để thực hiện những mục đích này, chính phủ Nhật Bản đã đưa ra phương châm chia cắt Hoa kiều với chính phủ Tưởng, “sử dụng có hiệu quả thế lực của Hoa kiều, đặc biệt là thế lực kinh tế”.

Để đạt được hai mục đích này, “Hội nghị liên lạc các cơ quan có liên quan” đã xác định rõ ràng sự cần thiết của công tác chỉ đạo giám sát của trung ương. Do đó, “Hội nghị liên lạc các cơ quan có liên quan” đã được thành lập với tư cách là cơ quan phụ trách công tác Hoa kiều, bao gồm Hưng Á Viện, Bộ Ngoại giao, Bộ Lục quân, Bộ Hải quân, Bộ Công thương, Bộ Khai khẩn. Cơ chế vận hành của Hội nghị liên lạc này được xác định nguyên văn như sau⁹.

Hội nghị này bao gồm các Trưởng phòng có thẩm quyền và nhân viên có liên quan thuộc Hưng Á Viện, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Lục quân, Bộ Hải quân, Bộ Công thương, Bộ Khai khẩn. Trưởng phòng Chính vụ của Hưng Á Hội là người điều hành.

Tuỳ vào từng thời điểm, Bộ Tổng tham mưu, Bộ Quân lệnh, Cục Tình báo chính phủ sẽ cử người tham gia Hội nghị này.

Chính sách Hoa kiều với mục đích xử lý sự biến Trung Quốc cần được thực thi tại Trung Quốc, nghĩa là cần được thực hiện với sự chỉ đạo chính quyền mới ở Trung Quốc. Và Hội nghị này được thành lập với mục đích thẩm định, quyết định những công tác đối với Hoa kiều và những công tác có liên quan đến việc kêu gọi tiền bạc của Hoa kiều đối với hoạt động kinh tế tại khu vực của chính phủ mới.

Tại các cơ quan có liên quan, mỗi khi có yêu cầu thành lập đề án và có ý kiến liên quan đến công tác Hoa kiều ở mục trước thì có thể yêu cầu Hưng Á Viện mở cuộc họp Hội nghị liên lạc.

Tại Hội nghị này, việc thực thi các công tác đã được quyết định sẽ chủ yếu do các cơ quan thuộc Hưng Á Viện tại nơi đó thực hiện. Còn tại những nơi không có cơ quan thuộc Hưng Á Viện và trong trường hợp xác định có cơ quan khác phù hợp thì sẽ phân công đảm nhiệm tại các cơ quan có liên quan.

Như vậy, nguyên tắc vận hành của “Hội nghị liên lạc” này có thể tóm tắt như sau: 1) Thành lập tại các cơ quan quan trọng của chính phủ như Hưng Á Viện, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Lục quân, Bộ Hải quân, Bộ Công thương, Bộ Khai khẩn các phòng ban phụ trách các công việc có liên quan đến Hoa kiều; 2) Hội nghị này xem xét và quyết định về các vấn đề có liên quan đến Hoa kiều; 3) Hưng Á Viện chiếm vai trò quan trọng trong công tác Hoa kiều và đảm nhiệm công việc sự vụ.

Đến Hội nghị cấp thứ trưởng của các cơ quan có liên quan được tổ chức ngày 10 – 07 – 1941, văn bản “Vấn đề liên quan đến việc kiểm soát công tác Hoa kiều tại Trung Quốc” đã bị xoá bỏ và thay vào đó là “Yếu cương đối sách Hoa kiều” (dưới đây sẽ gọi tắt là Yếu cương A). Hai phương châm sử dụng là “sử dụng hữu hiệu Hoa kiều trong khu vực thịnh vượng chung Đông Á” và “từng bước chia cắt họ ra khỏi việc viện trợ cho chính quyền Tưởng”, buộc Hoa kiều hợp tác với Nhật trong việc xây dựng khối thịnh vượng chung Đông Á¹⁰. Yếu cương A được quy định như sau¹¹:

Khu vực trọng điểm của công tác Hoa kiều trước tiên là hướng tới Hoa kiều ở Đông Dương thuộc Pháp, Thái Lan, rồi tương ứng với sự phát triển của thế lực đế quốc sẽ dần dần tăng cường sang những khu vực khác.

Về công tác này, tuyên truyền quan điểm coi trọng tâm của vấn đề Hoa kiều là ở khía cạnh kinh tế, thực thi chính sách về cả kinh tế và chính trị. Có điều, cùng với việc gắn bó mật thiết với chính sách đối ngoại của đế quốc thì cũng cần thực thi những biện pháp đúng thời điểm, thời kỳ, trật tự, phương pháp ứng với những xu hướng, đặc tính của Hoa kiều

Tăng cường mật thiết hơn việc liên lạc giữa các cơ quan có liên quan phía Nhật Bản và thi hành những biện pháp như dưới đây nhằm duy trì tính nhất quán và tính kế thừa của chính sách:

Thành lập Hội nghị thương nghị tại chính phủ Trung ương, tiến hành thương nghị về phương châm, chính sách và trao đổi thông tin tùy theo từng thời điểm với sự tham gia của thành viên thuộc các cơ quan có liên quan như Bộ Ngoại giao, Bộ Lục quân, Bộ Hải quân, Hưng Á Viện. Công việc liên lạc sẽ do Bộ Ngoại giao phụ trách.

Tại Trung Quốc, việc chỉ đạo công tác Hoa kiều do chính phủ quốc dân tiến hành sẽ giao cho Toà đại sứ tại Nam Kinh và tại những nơi khác sẽ do cơ quan của Hưng Á Viện chủ yếu đảm nhận. Tại nơi không có cơ quan của Hưng Á Viện và trong trường hợp xác nhận có cơ quan khác phù hợp thì sẽ phân công đảm nhiệm tại các cơ quan có liên quan. Với những địa điểm quan trọng sẽ thành lập hội nghị thương nghị bao gồm nhân viên các cơ quan có liên quan và hội nghị thương nghị này cần duy trì quan hệ mật thiết với Toà đại sứ Nam Kinh.

Tại Nam Dương, cơ quan ngoại giao sẽ thực hiện công tác này trên cơ sở thương nghị với phía lục hải quân.

Theo bản Yếu cương A, ban đầu công tác Hoa kiều sẽ lấy Đông Dương và Thái Lan làm khu vực trọng điểm, từ đó triển khai sang các khu vực khác. Thứ hai, công tác Hoa kiều được tiến hành trên ba phương diện là kinh tế, chính trị, tuyên truyền nhưng trọng điểm được đặt vào công tác kinh tế. Thứ ba, để đảm bảo tính nhất quán và tính liên tục chính sách Hoa kiều của chính phủ quốc dân và chính sách Hoa kiều của chính phủ Nhật Bản, sẽ thành lập Hội nghị thương nghị tại chính phủ trung ương của Nhật Bản.

Cũng trong Yếu cương A này, công tác có liên quan đến từng lĩnh vực cụ thể đã được quy định. Cụ thể như sau¹²:

Công tác kinh tế

Để chiếm đoạt nguồn tài nguyên mà chúng ta cần và tăng cường mật thiết mối quan hệ buôn bán, chúng ta cần tạo dựng và thúc đẩy hơn nữa mối liên hệ với những Hoa kiều có thế lực, xúc tiến việc xâm nhập của các công ty vào vùng chiếm đóng cũng như mối liên kết Nhật – Trung tại các xí nghiệp ở nơi đó.

Tại Đông Dương thuộc Pháp và Thái Lan, sẽ chỉ đạo, quản lý các đoàn thể xí nghiệp Hoa kiều hoặc tính toán xây dựng các tổ chức thương nghiệp mới.

Để tạo dựng sự tiện lợi cho việc chuyển tiền của Hoa kiều vào khu vực có thế lực của ta, cần chỉ đạo và hoàn chỉnh hệ thống tín dụng, ngân hàng.

Công tác chính trị

Lấy mục đích là phá hoại, chia cắt tổ chức và tuyên truyền công tác Hoa kiều của chính phủ Trùng Khánh, bắt đầu cuộc đấu tranh đối với Trùng Khánh bằng các biện pháp có sức mạnh và phù hợp như: (1) Tăng cường sự đấu tranh của các đoàn thể Hoa kiều ở các nơi; (2) Hoà giải các đoàn thể có thế lực; (3) Ngăn cản hoạt động của nhân viên công tác phía Trùng Khánh; (4) Thành lập các nhóm công tác của ta.

Để mưu tính thành lập và hoàn chỉnh tổ chức công tác (bao gồm cả chính phủ quốc dân), cần: (1) thành lập các nhóm công tác có thế lực; (2) tiến hành chiếm đoạt, điều hành các tổ chức văn hoá có thế lực, trường học của các đoàn thể.

Ở Đông Dương thuộc Pháp và Thái Lan, với mục đích chống lại công tác của phía Trùng Khánh, cần cho thấy thái độ tích cực và xây dựng nền tảng vững chắc, còn tại các khu vực khác thì chú trọng vào công tác chuẩn bị.

Ở Đông Dương thuộc Pháp và Thái Lan, sử dụng lực lượng hiến binh, thực thi kiểm soát triệt để đối với việc bài xích Nhật Bản.

Thực thi hỗ trợ hướng ra bên ngoài như giúp cho công tác của chính phủ quốc dân trở nên dễ dàng.

Công tác tuyên truyền

(1) Giới thiệu sức mạnh quốc gia của Nhật Bản; (2) Giải phóng Đông Á; (3) Ưu thế của các nước phe trục; (4) Phê phán chính sách và tình hình nội bộ của chính phủ Trùng Khánh.

Tiến hành tuyên truyền mang tính xây dựng hơn nữa dựa vào sự tiến triển của tình hình tại Đông Dương thuộc Pháp và Thái Lan.

Tại các khu vực ngoài Đông Dương thuộc Pháp và Thái Lan, đặt trọng điểm vào (3) và (4).

Để hoàn thành những mục tiêu trên, cần nỗ lực trong các công tác sau: (1) Hoàn chỉnh mạng lưới thông tin; (2) Sử dụng báo chí, điện ảnh; (3) Tuyên truyền bằng sóng phát thanh; (4) Mời các đoàn thị sát đến Nhật Bản và Trung Quốc.

Các chính sách được trình bày trên đây đã cho thấy những nội dung cụ thể sau. *Thứ nhất*, tăng cường mối liên kết với Hoa kiều có thế lực để gia tăng tính mật thiết trong buôn bán giữa Nhật Bản với Hoa kiều và thu đoạt những tài nguyên thiết yếu. *Thứ hai*, thúc đẩy sự xâm nhập của công ty Nhật Bản nhờ hợp tác của Hoa kiều. *Thứ ba*, tuân thủ sự chỉ đạo của các tổ chức buôn bán của Hoa kiều hoặc xây dựng các đoàn thể thương nghiệp mới. *Thứ tư*, hoàn chỉnh cơ quan tài chính. *Thứ năm*, thành lập các nhóm công tác Hoa kiều có thế lực. *Thứ sáu*, chiếm đoạt các trường học và tổ chức văn hoá. *Thứ bảy*, ngăn cản hoạt động của các thành viên công tác Hoa kiều của chính phủ Trùng Khánh. *Thứ tám*, thông qua quan hiến binh tại nơi sở tại để thắt chặt quản lý phong trào bài xích Nhật. *Thứ chín*, thông qua điện ảnh, sóng phát thanh, báo chí để tuyên truyền về ưu thế của phe Trục, sức mạnh của Nhật Bản, sứ mạng giải phóng châu Á của Nhật và phê phán chính sách của chính phủ Trùng Khánh.

Ngày 08 – 12 – 1941, chiến tranh châu Á – Thái Bình Dương bùng nổ. Ứng phó với sự thay đổi của tình hình, ngày 14 – 02 – 1942, một văn bản “Yếu cương đối sách Hoa kiều” khác (dưới đây sẽ gọi tắt là Yếu cương B) đã được quyết định tại “Hội nghị liên lạc các cơ quan có liên quan”. Theo bản Yếu cương B này, phương châm của chính sách Hoa kiều đã được thu hẹp lại thành “chia cắt Hoa kiều với chính phủ Tưởng, làm cho Hoa kiều đồng thuận và hợp tác tích cực với việc chúng ta, cố gắng kết thúc nhanh chóng chiến tranh Đông Á”. Rõ ràng là, sau khi cuộc chiến tranh châu Á – Thái Bình Dương bùng nổ, với việc nhấn mạnh mục tiêu xây dựng “Khu vực thịnh vượng chung Đại Đông Á” và chú trọng phát triển kinh tế của khu vực này, đối với Nhật Bản, sự hợp tác của Hoa kiều càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

Tại “Yếu cương B”, nội dung cụ thể chính sách đối với Hoa kiều được quy định như sau¹³:

Chính sách Hoa kiều chủ yếu là thực thi tại những khu vực Hoa kiều sinh sống. Mục đích chủ yếu của nó là góp phần gia tăng và chiếm đoạt tài nguyên thiết yếu phục vụ cho mục đích quốc phòng của đế quốc dưới sự kiểm soát của Nhật Bản.

Do đó, khi cần thiết sẽ gia tăng áp lực chính trị thích hợp buộc Hoa kiều, đồng thời chỉ đạo việc áp dụng những phong tục và chức năng kinh tế vốn có để Hoa kiều hợp tác tích cực với chính sách của đế quốc.

Tuy nhiên, tùy theo sự thay đổi của tình thế sẽ cố gắng dần dần loại bỏ thế lực xã hội của Hoa kiều.

Tại các vùng chiếm đóng, cần chú trọng đến công tác khiến Hoa kiều đồng phục đồng điệu với thể chế hành chính của đế quốc. Mỗi liên kết kinh tế giữa Hoa kiều với Trung Quốc cần được đặt dưới sự chỉ đạo của Nhật Bản. Mỗi liên kết về chính trị với Trung Quốc cần chia cắt, ngoại trừ trường hợp phong trào chống chính quyền Tưởng.

Chính sách Hoa kiều tại Đông Dương thuộc Pháp và Thái Lan sẽ do chính phủ nước sở tại thực thi dưới sự chỉ đạo của Nhật Bản nhưng trong trường hợp cần thiết thì tự thân đế quốc phải tự thực hiện.

Chính sách đối ngoại Hoa kiều của chính phủ quốc dân được đặt dưới sự chỉ đạo của đế quốc. Riêng ở Đông Dương thuộc Pháp, Thái Lan thì sẽ chỉ đạo với trọng tâm là duy trì mối liên kết kinh tế cần thiết về khía cạnh dân sinh và chính trị, tuyên truyền. Các chính sách khác dừng lại ở mức độ giới hạn cần thiết dưới sự chỉ đạo của chính phủ quốc dân.

Tuy nhiên, tại Thái Lan, cần suy nghĩ đến chính sách Hoa kiều của chính phủ Thái Lan và làm cho nó đồng điệu với chính sách của Nhật Bản.

Việc thực thi công tác tại Trung Quốc sẽ dựa vào những mục tiêu ở các mục trên tương ứng với sự cần thiết.

Đảm nhiệm chỉ đạo công tác là: Tại vùng chiếm đóng, tương ứng với các khu vực phụ trách mà sẽ giao phó cho Lục Hải quân. Tại Đông Dương thuộc Pháp và Thái Lan, sẽ giao cho các nhân viên ngoại giao trên cơ sở thương nghị với Lục hải quân và hợp tác với các cơ quan có liên quan. Tại Trung Quốc, việc chỉ đạo công tác Hoa kiều do chính phủ quốc dân thực hiện giao cho Toà đại sứ Nam Kinh, các công việc khác sẽ chủ yếu do cơ quan tại nơi đó của Hưng Á Viện tiến hành (tại các khu vực trọng điểm sẽ thành lập Hội nghị thương nghị bao gồm nhân viên các cơ quan có liên quan, còn ở những nơi không có cơ quan của Hưng Á Viện thì sẽ tiến hành Hội nghị thương nghị thích ứng), đảm bảo mối liên hệ mật thiết với Toà đại sứ Nam Kinh.

Như vậy, chính sách đối với Hoa kiều được chỉ ra trong bản Yếu cương B là: *thứ nhất*, sử dụng các chức năng kinh tế và tập quán vốn có của Hoa kiều để lấy được các vật tư cần thiết cho quốc phòng; *thứ hai*, duy trì mối quan hệ kinh tế giữa

Hoa kiều với Nhật Bản, cắt đứt quan hệ về chính trị; *thứ ba*, cơ quan chỉ đạo công tác tại vùng chiếm đóng sẽ do Lục Hải quân, tại Đông Dương và Thái Lan sẽ do Lục Hải quân và Bộ Ngoại giao, tại Trung Quốc sẽ do Toà đại sứ ở Nam Kinh và Hưng Á Viện phụ trách.

Từ ba văn bản được trích dẫn trên đây, chúng ta có thể tóm tắt chính sách của Nhật Bản đối với Hoa kiều Đông Nam Á như sau.

Thứ nhất, với mục đích ứng phó với chiến tranh Nhật Trung và xây dựng *Khu vực thịnh vượng chung Đại Đông Á*, phương châm của chính sách Hoa kiều là chia cắt Hoa kiều ra khỏi mối quan hệ với chính phủ Trùng Khánh và đảm bảo sự hợp tác kinh tế của Hoa kiều.

Thứ hai, chính sách Hoa kiều có 6 phương sách cụ thể là: thiết lập quan hệ với Hoa kiều có thể lực; sử dụng các chức năng kinh tế và tập quán đã có của Hoa kiều để thúc đẩy sự xâm nhập của các công ty Nhật Bản; xoa dịu đoàn thể Hoa kiều có thể lực; thu phục nhân viên phía chính phủ Trùng Khánh, làm suy yếu cơ quan công tác Hoa kiều của chính phủ Trùng Khánh; xây dựng các đoàn thể công tác Hoa kiều có thể lực; chiếm đoạt các trường học, đoàn thể văn hoá thể lực, thông qua phim ảnh, phát thanh, báo chí để tuyên truyền có lợi cho Nhật Bản.

Cuối cùng, cơ quan chỉ đạo công tác đối với Hoa kiều là “Hội nghị các cơ quan có liên quan” với tư cách cơ quan Trung ương, cơ quan bên dưới tại sở tại là Đại sứ quán ở Nam Kinh và Hưng Á Viện tại Trung Quốc và Lục Hải quân tại Đông Nam Á. Có điều, với Đông Dương và Thái Lan, Lục Hải quân và toà đại sứ chỉ đạo chính quyền sở tại thực hiện trên cơ sở thương nghị và thực thi công tác Hoa kiều một cách gián tiếp.

2. Chính sách của Nhật Bản đối với Hoa kiều Đông Dương

Tiếp theo, chúng ta sẽ xem xét về nội dung chính sách của Nhật Bản đối với Hoa kiều Đông Dương.

Theo khảo sát của tác giả hiện nay có 3 văn bản chính thức đề cập đến chính sách của Nhật Bản đối với Hoa kiều ở Đông Dương. Sắp xếp theo niên đại đó là: Quyết định của Nội các Nhật Bản ngày 3 – 9 – 1940 về “Chính sách để phát triển kinh tế Đông Dương thuộc Pháp” và hai bản “Yếu cương đối sách Hoa kiều” (Yếu cương A) ngày 10 – 7 – 1941 và “Yếu cương đối sách Hoa kiều” (Yếu cương B) ngày 14 – 2 – 1942.

Về văn bản thứ nhất, trong quyết định của Nội các Nhật Bản, phương châm công tác Hoa kiều là “đối với thái độ viện Tương kháng Nhật của Hoa kiều, cần yêu cầu nhà đương cục Đông Dương thuộc Pháp có những biện pháp thắt chặt nghiêm ngặt, đồng thời mặt khác chú trọng đến địa vị kinh tế của họ, áp dụng chính sách sử dụng tổ chức và sức mạnh tiền bạc với lập trường lấy đại cục làm trọng”¹⁴.

Tiếp đó, như đã trình bày ở trên, trong văn bản “Yếu cương A” ghi rõ “khu vực trọng điểm của công tác Hoa kiều trước tiên là hướng tới Hoa kiều ở Đông Dương thuộc Pháp và Thái, sau đó sẽ tăng cường đối với các khu vực khác tương ứng với sự phát triển thế lực của đế quốc”. Nghĩa là, Đông Dương và Thái Lan được coi là trọng điểm mang tính khu vực của chính sách Hoa kiều và từ các cứ điểm này, công tác Hoa kiều sẽ được mở rộng sang các khu vực khác.

Bảng 1. Thống kê số tiền ủng hộ chính quyền Tưởng (từ 7 – 1937 đến 9 – 1939)

Đơn vị: Tệ

Khu vực	Số tiền
Mã Lai thuộc Anh	19.577.193
Philippines	5.242.020
Indonesia thuộc Hà Lan	5.145.418
Thái	8.000.000
Đông Dương thuộc Pháp	4.400.000
Miến Điện	2.193.904
Borneo thuộc Anh	547.893

Nguồn: Tập báo cáo của Ủy ban điều tra số 3 –
Nghiên cứu phong trào kháng Nhật cứu quốc của Hoa kiều Nam Dương, tr. 359.

Bảng 2. Thống kê số tiền ủng hộ chính quyền Tưởng (từ 1 – 1938 đến 12 – 1940)

Đơn vị: Tệ

Khu vực	Số tiền
Mã Lai thuộc Anh	34.762.000
Philippines	13.000.000
Indonesia thuộc Hà Lan	14.144.000
Đông Dương thuộc Pháp	6.500.000
Miến Điện	7.800.000
Borneo thuộc Anh	624.000
Tổng cộng	76.830.000

Nguồn: Tập báo cáo của Ủy ban điều tra số 3 –
Nghiên cứu phong trào kháng Nhật cứu quốc của Hoa kiều Nam Dương, tr. 360.

Bảng 3. Số tiền ủng hộ trong 5 năm từ khi chiến tranh Trung – Nhật bùng nổ

Đơn vị: Nghìn tệ

Khu vực	Số tiền
Thuộc địa ven biển thuộc Anh	115.678
Indonesia thuộc Hà Lan	37.569
New York	36.743

Philippines	26.584
Đông Dương thuộc Pháp	17.191
San Francisco	14.335
Hồng Kong	10.482
Thái	1.429

Nguồn: Trung tâm tư liệu lịch sử châu Á, Ref.C04123126800 (Tác giả dựng bảng).

Từ 3 bảng thống kê trên ta có thể nhận thấy rõ ràng rằng, so với Hoa kiều ở các khu vực khác ở Đông Nam Á, khoản tiền ủng hộ chính quyền Tưởng của Hoa kiều Đông Dương và Thái Lan là ít hơn nhiều. Như vậy, tại sao Đông Dương và Thái Lan được coi là khu vực trọng điểm của công tác Hoa kiều? Về điểm này, chúng tôi cho rằng có một số nguyên do sau.

Thứ nhất, đương thời, mối quan tâm của Nhật Bản đối với Đông Dương là cắt đứt con đường tiếp tế vũ khí, quân nhu cho chính quyền Tưởng và tầm quan trọng của một cứ điểm tiền tuyến cho việc tiến quân xuống Indonesia thuộc Hà Lan và Malay thuộc Anh, những khu vực nổi tiếng về sự giàu có nguồn tài nguyên dầu lửa. *Thứ hai*, từ sau tháng 7 – 1939, tình hình lương thực của Nhật Bản rơi vào tình trạng khó khăn. Muốn đảm bảo nguồn cung cấp lương thực cho nhu cầu trong nước và quân đội Nhật đồn trú ở các nơi thì nguồn gạo từ Đông Dương và Thái Lan có vị trí hết sức trọng yếu.

Trong bối cảnh như vậy, vai trò của Hoa kiều hết sức quan trọng. Hoa kiều Đông Dương không chỉ độc chiếm mạng lưới buôn bán thóc gạo mà còn đảm nhận vai trò trung tâm trong hệ thống mậu dịch giữa Đông Dương với các khu vực khác ở Đông Nam Á. Hơn nữa, đại bộ phận của sản phẩm xuất khẩu là gạo và thông qua Hoa kiều, gạo của Đông Dương được xuất khẩu sang Hồng Kông, Thượng Hải... Ngoài gạo, các mặt hàng khác như than đá, cao su, bông cũng được xuất khẩu bởi Hoa kiều, và ngược lại, hàng hoá tạp vụ khác thông qua Hoa kiều cũng được nhập khẩu vào Đông Dương từ Hồng Kông, Indonesia thuộc Hà Lan, Malay thuộc Anh.

Trong văn bản “Yếu cương A”, mục đích của chính sách Hoa kiều Đông Dương được xác định là “để thắt chặt mối quan hệ buôn bán với chúng ta và chiếm đoạt được những nguồn tài nguyên cần thiết” và các biện pháp thực hiện là “tạo dựng và thúc đẩy hơn mối liên kết với các Hoa kiều có thế lực, xúc tiến việc xâm nhập của các công ty Nhật Bản vào khu vực chiếm đóng và hợp tác Nhật Trung tại các xí nghiệp ở nơi đó”. Còn công tác chính trị sẽ được thực hiện theo chính sách đối với toàn thể Hoa kiều nói chung ở Đông Nam Á. Tuy nhiên, đặc trưng của công tác này là *Nhật Bản chỉ thực thi kiểm soát một cách gián tiếp thông qua chính quyền sở tại*.

Liên quan đến điểm này, văn bản “Yếu cương B” đã chỉ ra rõ ràng hơn. Trong văn bản này, ngoài những điểm chung với chính sách Hoa kiều ở các khu vực khác,

đặc trưng về mặt chính sách đối với Hoa kiều Đông Dương là “chính sách Hoa kiều ở Đông Dương thuộc Pháp và Thái Lan là giao cho chính quyền sở tại thực thi dưới sự chỉ đạo của ta, khi cần thiết sẽ do đế quốc đích thân thực hiện”. Nghĩa là, điều này cho thấy chính sách đối với Hoa kiều Đông Dương không chỉ được thực hiện bởi chính quyền thuộc địa của Pháp mà còn có thể được thực thi bởi chính Nhật Bản. Do đó, công tác chỉ đạo đối với công tác Hoa kiều sẽ do Bộ Ngoại giao tức Toà đại sứ thực thi trên cơ sở thương nghị với Bộ Chỉ huy Lục Hải quân.

Từ những văn bản trên đây có thể tóm tắt những mục tiêu chính của chính sách đối với Hoa kiều Đông Dương của Nhật Bản khi đó như sau. *Thứ nhất*, chia cắt Hoa kiều ra khỏi phong trào kháng Nhật và chính phủ Trùng Khánh. *Thứ hai*, đảm bảo sự hợp tác kinh tế của Hoa kiều. *Thứ ba*, tăng cường mối liên kết với Hoa kiều để giúp công ty Nhật Bản xâm nhập thị trường. *Thứ tư*, kiểm soát một cách gián tiếp bộ phận Hoa kiều chống Nhật.

Ngoài ba văn bản trên, còn hai văn bản khác có liên quan đến công tác Hoa kiều Đông Dương. Đó là “Phương sách liên quan đến công tác Hoa kiều Đông Dương thuộc Pháp” ngày 25 – 6 – 1941¹⁵ và “Đề án công tác Hoa kiều Đông Dương thuộc Pháp” ngày 27 – 6 – 1941 do Bộ Tư lệnh quân đội Nhật Bản Đông Dương soạn thảo¹⁶.

Trong văn bản “Phương sách liên quan đến công tác Hoa kiều Đông Dương thuộc Pháp”, việc thúc đẩy hàng hoá Nhật Bản xâm nhập vào thị trường khu vực này, xây dựng mối quan hệ kinh tế với Hoa kiều, nhờ đó chia cắt mối quan hệ kinh tế giữa Hoa kiều với chính phủ Trùng Khánh đã được xác định là mang tính khả thi. Hơn nữa, một phương châm hành động được đưa ra là thông qua nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương để thực thi việc kiểm soát Hoa kiều kháng Nhật, xoá bỏ những Hoa kiều chống Nhật.

Bộ Tư lệnh quân đội Nhật ở Đông Dương, trên cơ sở phân tích hiện trạng nhằm nhanh chóng xoá bỏ tình hình sau chiến tranh Nhật – Trung bùng nổ nhiều dân tị nạn Trung Quốc đã đổ về Chợ Lớn, làm gia tăng số người Hoa kiều. Việc này như là đổ thêm dầu vào ngọn lửa chống Nhật ở Nam Kỳ, đã cho rằng việc tiến quân vào Nam Kỳ “có thể làm cho chính sách Nam tiến trở nên trọn vẹn với việc ta nắm bắt miền Nam Đông Dương thuộc Pháp trong tay và thu hút Hoa kiều vào trong chúng ta”¹⁷.

Phương châm chính sách Hoa kiều được quy định tại hai văn bản do Bộ Tư lệnh quân đội Nhật tại Đông Dương soạn thảo là: *Thứ nhất*, xây dựng mối quan hệ kinh tế với Hoa kiều, chia cắt quan hệ giữa Hoa kiều với chính quyền Tưởng. *Thứ hai*, thông qua nhà đương cục Đông Dương để thực thi kiểm soát Hoa kiều kháng Nhật và loại bỏ những Hoa kiều chống Nhật nhằm xử lý nhanh chiến tranh Nhật Trung. *Thứ ba*, xây dựng cơ sở cho việc tiến xuống miền Nam, và để xây dựng khu

vực, xác lập mối quan hệ kinh tế với Hoa kiều. Những phương châm này về cơ bản giống với phương châm chính sách Hoa kiều của chính phủ Nhật Bản.

Cũng trong thời gian này, Đài Loan Tổng đốc phủ trong báo cáo điều tra Hoa kiều Đông Nam Á được đưa ra tháng 11 – 1941 đã ghi rõ phương châm thực hiện chính sách Hoa kiều Đông Dương sẽ dựa trên nguyên tắc của chính sách Hoa kiều nói chung. Tuy nhiên, ở đây, trong bối cảnh Hoa kiều Đông Dương có vị trí áp đảo trong việc mua bán gạo, để nắm bắt Hoa kiều, Nhật Bản cần đặt cơ cấu lưu thông lúa gạo và thế lực trung tâm của giới mua bán thóc gạo dưới sự chi phối của Nhật. Cũng theo báo cáo này, “chi phối Chợ Lớn – Sài Gòn là những nơi tập trung nhiều thương nhân gạo, thương nhân lúa và việc nắm bắt đầu não của kinh tế Hoa kiều, kết cục sẽ chi phối khuynh hướng hoạt động của Hoa kiều toàn Đông Dương”. Do đó, Đài Loan Tổng đốc phủ đã đưa ra 7 sách lược cụ thể cho chính sách Hoa kiều. Đó là: 1) Kiểm soát phong trào chống Nhật, 2) Bố cáo an dân, 3) Điều khiển Trung Hoa Tổng thương hội và các đoàn thể nghề nghiệp khác, 4) Thành lập Ủy ban kiểm soát kinh tế tại Hà Nội và Sài Gòn, 5) Cho phép Hoa kiều tham gia uỷ ban này với số lượng hơn 1/2 và trao cho họ trách nhiệm cung cấp vật tư trong cả nước, 6) Đặc biệt thành lập Ủy ban lúa gạo tại Sài Gòn, uỷ nhiệm Ủy ban này cho một nhân vật có thế lực trong số các thương nhân lúa gạo Hoa kiều, 7) Thành lập cơ quan giao lưu tại Hải Phòng và Sài Gòn, kiểm soát các thương nhân hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu.¹⁸

Như vậy, trong 6 văn bản trình bày ở trên, nếu thử tổng hợp lại, ta thấy chính sách của Nhật Bản đối với Hoa kiều Đông Dương có những mục đích sau. *Thứ nhất*, lấy Đông Dương làm cứ điểm tiền tiêu để triển khai chính sách Hoa kiều trên toàn thể Đông Nam Á. *Thứ hai*, chia cắt Hoa kiều ra khỏi phong trào chống Nhật. *Thứ ba*, đảm bảo sự hợp tác kinh tế của Hoa kiều. *Thứ tư*, thúc đẩy sự xâm nhập của các công ty Nhật Bản vào Đông Dương thuộc Pháp và xuất khẩu hàng hoá Nhật. *Thứ năm*, kiểm soát gián tiếp Hoa kiều kháng Nhật.

Nếu thử so sánh chính sách đối với Hoa kiều Đông Dương với chính sách đối với Hoa kiều của Thái Lan, ta thấy chính sách của Nhật đối với Hoa kiều ở hai khu vực là giống nhau về đường hướng¹⁹ nhưng nếu so sánh với chính sách Hoa kiều tại Malay thuộc Anh, nơi phong trào chống Nhật diễn ra rất ác liệt thì chính sách Hoa kiều tại Malay thuộc Anh có điểm khác biệt rất lớn với chính sách Hoa kiều tại Đông Dương ở chỗ ở đây đã áp dụng những biện pháp cụ thể mang tính bạo lực²⁰.

Kết luận

Trên đây, chúng tôi đã khảo sát chính sách của Nhật Bản đối với Hoa kiều ở Đông Nam Á và đối với Hoa kiều ở Đông Dương thuộc Pháp thông qua các văn bản chính thức và các đề án liên quan.

Theo các văn bản này, phương châm chính sách của Nhật Bản đối với Hoa kiều ở Đông Nam Á sẽ là: *thứ nhất*, chia cắt Hoa kiều ra khỏi mối liên hệ với chính quyền Trùng Khánh để giải quyết nhanh chóng cuộc chiến tranh Nhật – Trung; *thứ hai*, đảm bảo sự hợp tác kinh tế của Hoa kiều để xây dựng khu vực thịnh vượng chung Đại Đông Á; *thứ ba*, để triển khai phương châm này, những phương sách cụ thể trên cả ba lĩnh vực kinh tế, chính trị, tuyên truyền đã được đề ra.

Trên cơ sở đó, về cơ bản chính sách đối với Hoa kiều ở Đông Dương cũng được xác định dựa trên chính sách chung của Nhật đối với Hoa kiều ở Đông Nam Á. Tuy nhiên, điểm đáng lưu ý là Đông Dương được Nhật Bản xác định là khu vực mang tính trọng điểm của toàn thể chính sách Hoa kiều. Chính sách của Nhật Bản đối với Hoa kiều Đông Dương có 4 cột trụ chính là: chia cắt Hoa kiều ra khỏi phong trào chống Nhật; đảm bảo sự hợp tác kinh tế của Hoa kiều; thúc đẩy sự xâm nhập của công ty và hàng hoá Nhật Bản; kiểm soát gián tiếp các Hoa kiều chống Nhật.

Nếu nhìn từ khía cạnh chia cắt Hoa kiều ra khỏi phong trào chống Nhật, chính sách Hoa kiều Đông Dương của Nhật Bản có thể nói là đã thành công ở mức độ nào đó. Một bộ phận Hoa kiều có thể lực tại Đông Dương như Trương Chấn Phàm²¹ đã thay đổi thái độ từ chống Nhật sang thân Nhật và hợp tác với chính quyền quốc dân Nam Kinh của Uông Tinh Vệ. Tuy nhiên, mặt khác nếu xem xét từ khía cạnh xây dựng *Khu vực thịnh vượng chung Đại Đông Á*, xúc tiến sự xâm nhập của các công ty Nhật Bản và xuất khẩu hàng hoá Nhật Bản thì chính sách này chưa đạt được kết quả như Nhật Bản mong muốn. Bởi lẽ, nguyên nhân chính đưa đến việc quan hệ thương mại của Đông Dương và Nhật Bản tăng nhanh chóng là ở chỗ quan hệ thương mại giữa Đông Dương với nước Pháp bị cắt đứt.

Trong báo cáo này, do hạn chế về tư liệu nên tác giả vẫn chưa khảo sát được những thay đổi trong chính sách Hoa kiều của Nhật đối với Hoa kiều ở Đông Dương và toàn thể khu vực Đông Nam Á trong giai đoạn từ 1943 đến 1945, cũng như tình hình thực thi chính sách này. Ngoài ra, báo cáo cũng chưa phân tích được mối liên quan giữa chính sách của Nhật đối với Hoa kiều Đông Dương và chính sách của Nhật đối với chính quyền Trùng Khánh. Chính sách Hoa kiều và chính sách đối với chính phủ Tưởng Giới Thạch có quan hệ tương hỗ như thế nào trên thực tế? Đây là vấn đề đặt ra trong các nghiên cứu sau này.

Cuối cùng, một vấn đề nữa cũng được đặt ra là mối liên quan giữa Hoa kiều, những người có vai trò hết sức to lớn trong cơ cấu lưu thông lúa gạo tại Đông Dương khi đó, với nạn đói năm 1945. Đây là vấn đề vẫn chưa được làm rõ trong các công trình nghiên cứu trước đây và là một vấn đề nghiên cứu cần được tiến

hành trong thời gian tới đây. Chúng ta cũng có thể đưa ra một giả thuyết là, dưới chính sách kinh tế kiểm soát của chính quyền thuộc địa Pháp tại Đông Dương và chính sách cướp đoạt thóc gạo của Nhật, việc loại bỏ Hoa kiều cũng có thể đã có ảnh hưởng xấu tới mạng lưới lưu thông lúa gạo của Đông Dương và làm cho mức độ thiệt hại của nạn đói lớn hơn. Hoặc, hoàn toàn ngược lại, sự chi phối cơ cấu lưu thông lúa gạo của Hoa kiều Đông Dương khi đó không chịu sự chi phối của chính sách kiểm soát của Pháp và chính sách cướp bóc lúa gạo của Nhật, sự đầu cơ và tích trữ lúa gạo của các thương nhân Hoa kiều cũng không phải là không có khả năng là nguyên nhân của nạn đói 1945.

CHÚ THÍCH

- ¹ Shiraishi Masaya – Furuta Motoo, “Xung quanh hai đặc tính của chính sách đối với Đông Dương của Nhật Bản thời kỳ chiến tranh Thái Bình Dương”, tạp chí *Nghiên cứu châu Á*, (Hội Nghiên cứu chính kinh châu Á), số 3 quyển 23 (10 – 1976), tr.1 – 37.
- ² Cho đến nay, khi đề cập đến nạn đói 1945, nhiều nhà nghiên cứu đã viện dẫn con số 2 triệu người chết đói. Tuy nhiên, về mức độ xác thực của con số này hiện nay vẫn còn có nhiều ý kiến tranh luận.
- ³ Furuta Motoo, *Chiếm đóng của Nhật Bản trong lịch sử hiện đại Việt Nam*. Trong Kurasawa Aiko (Chủ biên), *Chiếm đóng của Nhật Bản trong lịch sử Đông Nam Á* (Bản mới), NXB Đại học Waseda, 2001, tr.516.
- ⁴ Trung tâm tư liệu lịch sử châu Á, Hồ sơ Ref. C04123126800.
- ⁵ Túc Đông Nam Á.
- ⁶ Túc Nhật Bản – Trung Quốc.
- ⁷ Trung tâm tư liệu lịch sử châu Á (JACAR), Hồ sơ Ref. A03032309800.
- ⁸ Trung tâm tư liệu lịch sử châu Á (JACAR), Hồ sơ Ref. B02030559100.
- ⁹ Trung tâm tư liệu lịch sử châu Á (JACAR), Hồ sơ Ref. B02030559100.
- ¹⁰ Trung tâm tư liệu lịch sử châu Á (JACAR), Hồ sơ Ref. A030253630000.
- ¹¹ Trung tâm tư liệu lịch sử châu Á (JACAR), Hồ sơ Ref. A030253630000.
- ¹² Trung tâm tư liệu lịch sử châu Á (JACAR), Hồ sơ Ref. A030253630000.
- ¹³ Trung tâm tư liệu lịch sử châu Á, Hồ sơ số Ref.B02032970300.
- ¹⁴ Viện nghiên cứu hoà bình Kashima (biên soạn), *Lịch sử ngoại giao Nhật Bản*, tập 22, *Vấn đề Nam tiến*, NXB Viện nghiên cứu hoà bình Kajima, 1973, tr.247 – 249.
- ¹⁵ Trung tâm tư liệu lịch sử châu Á, Hồ sơ số Ref. C04123126800.

-
- ¹⁶ Trung tâm tư liệu lịch sử châu Á, Hồ sơ số Ref. A03032309800.
- ¹⁷ Trung tâm tư liệu lịch sử châu Á, Hồ sơ số Ref. A03032309800.
- ¹⁸ Uesugi Mitsuhiko, Kojima Tsunekazu, Sha Seihon (viết chung), *Nghiên cứu về xã hội Hoa kiều và hoạt động kinh tế của họ*, Viện Nghiên cứu tổng hợp, Trường Đại học Thương nghiệp Takachiho, 1990, tr.50.
- ¹⁹ Uesugi Mitsuhiko, Kojima Tsunekazu, Sha Seihon (viết chung), *Nghiên cứu về xã hội Hoa kiều và hoạt động kinh tế của họ*, sđd, tr.59.
- ²⁰ Uesugi Mitsuhiko, Kojima Tsunekazu, Sha Seihon (viết chung), *Nghiên cứu về xã hội Hoa kiều và hoạt động kinh tế của họ*, sđd, tr.45.
- ²¹ Xuất thân là người gốc Phúc Kiến, sinh tại Đông Dương. Đương thời là Chủ tịch Việt Nam Hoa kiều tổng thương hội, Chủ tịch Thất phủ hội.